

TRIỆT HỌC - CHÍNH TRỊ HỌC - XÃ HỘI HỌC

XÁC LẬP MỐI QUAN HỆ BIỆN CHỨNG GIỮA TÀI VÀ ĐỨC

GS.TS. HOÀNG CHÍ BẢO (*)

TÓM TẮT

Tài và Đức là những yếu tố chủ đạo, then chốt trong cấu trúc nhân cách của một con người trưởng thành. Giữa hai yếu tố này xác lập một mối quan hệ biện chứng, tác động qua lại, chi phối và chế ước lẫn nhau trong mỗi cá thể. Bài viết nghiên cứu về mối quan hệ giữa Tài và Đức trong nhân cách con người, nhất là nhân cách của cán bộ đảng viên.

Từ khóa: Tài và Đức, nhân cách con người, nhân cách cán bộ đảng viên.

ABSTRACT

Capability and Morality are the key factors in the personality structure of an adult. A dialectical relationship is established between these two factors, interacting, influencing and curbing each other in each individual adult. The article studies the relationship between Capability and Morality in human personality, especially in the personality of cadres and party members.

Key words: Capability, Morality, human personality, personality of cadres and party members.

1. Sự cần thiết và ý nghĩa của việc nghiên cứu mối quan hệ biện chứng giữa Tài và Đức trong tình hình hiện nay

Nói đến Tài và Đức cũng như Đức và Tài là nói đến những yếu tố chủ đạo, then chốt trong cấu trúc nhân cách của một con người trưởng thành. Giữa hai yếu tố này xác lập một mối quan hệ biện chứng, tác động qua lại, chi phối và chế ước lẫn nhau trong con người với tư cách cá nhân, cá thể của nó. Đó là một chủ thể mang nhân cách đã định hình chính nó, trong một môi trường xã hội, lịch sử và văn hóa nhất định, với những hoàn cảnh và điều

kiện khách quan xác định cùng với hoạt động sống của chủ thể gắn liền với nỗ lực chủ quan của mỗi người.

Tài và Đức, cũng như Đức và Tài là những khái niệm, những phạm trù thường được hiểu trong lĩnh vực đạo đức, là đối tượng nghiên cứu của đạo đức học, của lý luận về nhân cách. Hồ Chí Minh với tư cách nhà tư tưởng, nhà đạo đức học Mác xít - ở đây nổi trội là đạo đức học thực hành - đã đặc biệt quan tâm tới quan hệ giữa Đức và Tài, giữa Tài và Đức trong nhân cách con người, nhất là nhân cách của cán bộ đảng viên. Người chú trọng rèn luyện và công phu giáo dục, rèn luyện đội ngũ cán bộ cả Tài lẫn Đức, cả Đức lẫn Tài nhưng

(*) Chuyên gia cao cấp, nguyên Ủy viên Hội đồng Lý luận Trung ương

luôn luôn nhấn mạnh *Đức là gốc*.

Vấn đề tưởng như đã rõ ràng, đã hoàn toàn minh định, vậy mà cho đến nay vẫn phải tiếp tục đổi mới tư duy, đổi mới nhận thức để có nhận thức mới, đúng đắn hơn, sâu sắc hơn. *Tri để hành*. Phải dựa trên tiền đề nhận thức đúng thì mới có thể hành động đúng, đúng quy luật và đem lại hiệu quả thực tiễn như yêu cầu phát triển mà cuộc sống đặt ra. Hành động nói ở đây là ứng xử, hành xử với con người, trong mối quan hệ với mình, với người, với việc như Bác Hồ từng nhấn mạnh⁽¹⁾. Hành động đúng nhìn từ góc độ lãnh đạo, quản lý, hoạch định chính sách là thái độ tôn trọng, quý trọng con người Tàì - Đức, trọng dụng, tin cậy *những con người Tàì - Đức*, tạo mọi điều kiện cho họ phát huy và cống hiến tài năng phụng sự Tổ quốc, phục vụ nhân dân.

Về mặt này, Hồ Chí Minh là một biểu tượng vô cùng cao quý, là bậc thầy của việc phát hiện tài năng, đức độ con người, là điển hình mẫu mực của *phép dùng người, quý trọng nhân tài và trọng đãi hiền tài một cách hết sức thật lòng, chân thành, đầy nhân ái vị tha và thấm nhuần sâu sắc tinh thần khoan dung văn hóa, có lòng độ lượng, “độ lượng vĩ đại”, có sức cảm hóa, thuyết phục muôn người, thu phục nhân tâm đến mức kẻ thù cũng phải kính trọng, ngưỡng mộ*.

Thành công trong phép dùng người của Hồ Chí Minh cần được nghiên cứu công phu, phải tìm thấy những giá trị khoa học, lý luận xét trên bình diện quan điểm tư tưởng của Người trong việc *dùng người, đối xử và ứng xử của Người với con người*, mọi đối tượng, mọi tầng

lớp, mọi lứa tuổi, mọi thế hệ, xuất phát từ sự quý trọng và tin cậy, dân chủ và bình đẳng, bao dung - nhân ái - vị tha đối với con người. Biệt tài của Hồ Chí Minh là khả năng biết khơi dậy, biết cổ vũ, biết thức tỉnh mỗi người, làm cho họ có niềm tin vào chính mình, phát huy và phát triển phần nhân tính tốt đẹp để con người tự tin, nỗ lực phấn đấu, rèn luyện, biết *hướng thiện và tự hoàn thiện* mình để *sống và hành động* sao cho có ích nhất, đóng góp tốt nhất cho xã hội, tức là phục vụ nhân dân. Người chú trọng đạo đức trong chính trị, lấy việc làm, hiệu quả công việc, tác động của văn hóa trong ứng xử để công phu hướng dẫn, rèn luyện con người và tự mình thực hành trước để nêu gương. Cán bộ đảng viên, công chức nhân viên muốn tỏ rõ là đầy tớ công bộc của dân thì trước hết phải thấm nhuần đạo làm người - ở đời và làm người như thế nào cho xứng đáng với lòng tin, sự tín nhiệm và thương yêu của nhân dân. *Tận tâm, tín tâm và tận hiến* - đó là thể hiện sự trung thực, nhất quán của *quyết tâm* trong hành động và lối sống chứ không phải chỉ là lời hứa, câu nói. Đó cũng là bí quyết của sức mạnh, cả ý chí lẫn tình cảm để không màng danh lợi, đứng ngoài vòng danh lợi mà Người là hiện thân sinh động, để từ tuổi trẻ thanh niên đã lựa chọn “ham học, ham làm, ham tiến bộ” chứ “không ham làm quan to” như Người căn dặn. Còn phải thức tỉnh về nghĩa vụ và trách nhiệm, ý thức tự bảo vệ lương tâm và danh dự, giữ liêm sỉ trước mọi sự cám dỗ thường tình. Người nói rõ, nhân dân đóng thuế để chính phủ có tiền trả lương cho ta. Làm việc cầu thả, lười biếng, vô trách nhiệm là lừa gạt dân chúng. Tham lam là một thói xấu, rất đáng xấu hổ. Tham ô,

⁽¹⁾ Hồ Chí Minh (2011). *Toàn tập* (tập 2, trang 280-281). Hà Nội: Nhà xuất bản Chính trị quốc gia Sự thật.

tham nhũng là có tội với dân với nước, là tội ác và phải quyết trị cho bằng được, phải *tẩy sạch* cái tội phản dân phản quốc đó.

Gốc rễ sâu xa của mọi thói hư tật xấu là do chủ nghĩa cá nhân gây ra, phải quét sạch nó đi. Nhưng chống chủ nghĩa cá nhân không có nghĩa là xem nhẹ, phủ nhận cá nhân, không chà đạp, giày xéo lên cá nhân với những lợi ích, nhu cầu, cá tính, sở trường của họ. Mỗi cá nhân là một nhân cách - không có cá nhân sẽ không thành tập thể và xã hội. Người luôn nhấn mạnh, “phê bình việc, không phê bình người” (tức là không xúc phạm nhân cách của họ). Lại phải có lý có tình, thấu lý đạt tình, “có tình đồng chí thương yêu lẫn nhau”⁽²⁾. Phải khéo léo thức tỉnh con người, làm cho mỗi người định hình thói quen, nhu cầu *tự phê bình* như rửa mặt hàng ngày. Giáo dục, đào tạo, bồi dưỡng con người và dùng người phải công phu tỉ mỉ như người làm vườn. Đó là khoa học và nghệ thuật, sâu xa đó là *văn hóa làm người, văn hóa trong việc dùng người*. Nghiêm mà rộng lòng khoan thứ. Thương yêu, bảo vệ cán bộ thì phải thường xuyên giáo dục đi liền với kiểm tra, giám sát để cán bộ không rơi vào hư hỏng.

Giáo dục là đào tạo con người một cách toàn diện từ thể dục, đức dục, trí dục, lao động, thẩm mỹ một cách khoa học và tinh tế trong nghệ thuật sư phạm, nhất là trên tinh thần dân chủ - kỷ cương và sáng tạo, không áp đặt, không chủ quan. Phải làm sao có một nền giáo dục và nhà trường *phát triển tự do mọi năng lực sẵn có trong mỗi con người*⁽³⁾.

⁽²⁾ Hồ Chí Minh (2011). *Toàn tập* (tập 15, trang 622). Hà Nội: Nhà xuất bản Chính trị quốc gia Sự thật.

⁽³⁾ Hồ Chí Minh (2011). *Toàn tập* (tập 4, trang 34). Hà Nội: Nhà xuất bản Chính trị quốc gia Sự thật.

Đó là mục tiêu cao quý của *giáo dục phát triển và chủ nghĩa nhân văn trong giáo dục*. Trong phép dùng người, Hồ Chí Minh căn dặn “dùng nhân như dụng mộc”. Tài to dùng vào việc to, tài nhỏ dùng vào việc nhỏ. Phải giao việc đúng với khả năng của họ. Không có ai là vô dụng cả, chỉ có cách dùng người không đúng làm cho họ không bộc lộ, không phát huy được cả sở trường lẫn sở đoản của mình, thậm chí còn mai một đi. Giáo dục sai lầm có thể dẫn tới sự phát triển lệch lạc về nhân cách và do đó sẽ lãng phí nhân lực rất lớn. Bởi thế, trong giáo dục và trong mọi công tác thực tế, Hồ Chí Minh đặc biệt chú trọng *phương pháp*. Dùng người tài càng phải như vậy. Nhân tài là vốn quý, là thứ hiếm. Nhân tài rất cần cho việc kiến quốc, chỉ có thiếu chứ không bao giờ thừa. Người tài ở ngay trong dân chúng. Cho nên phải động viên dân chúng phát hiện giúp chính phủ những nhân tài để chính phủ sử dụng, trọng dụng vào việc ích quốc lợi dân. *Khéo dùng* thì nhân tài sẽ phát lộ, phát triển. Phải tạo ra đất cho người tài dụng võ. Đó là tạo môi trường và dùng động lực kích thích. Với Hồ Chí Minh, dùng người phải chí công vô tư, không hẹp hòi, thành kiến, đố kỵ. Phải *hiếu* người để *dùng* người cho đúng. Vậy là cần có trí tuệ, tầm nhìn, có tấm lòng thành thật, đem lòng thành mà cảm hóa, lôi cuốn, hội tụ các tài năng vào việc lớn của cách mạng, của dân, của Đảng.

Dùng người như vậy luôn luôn phải xuất phát từ mục đích, động cơ lớn, trong sáng, cao quý vì Tổ quốc, vì dân tộc, vì nhân dân, không phải vì mình, không có bất cứ một thứ vị kỷ, thực dụng nào của người có trách nhiệm dùng người. Lại phải có bản lĩnh, đủ sáng suốt

để không dùng sai, chớ để những kẻ vu vơ vây quanh, xiểm nịnh, tâng bốc mình và xuyên tạc, hãm hại những người chính trực, rồi chỉ quen dùng những người cánh hầu với mình, xa lánh người tài giỏi, có đức liêm chính, cương trực thì sẽ rất có hại cho Đảng.

Bản lĩnh dùng người của Hồ Chí Minh không chỉ là *sự sáng suốt của lý trí*⁽⁴⁾ mà còn ở *cốt cách cao thượng* khi Người căn dặn chúng ta “ngay cả với những người mà mình không ưa (vì có những điều không giống mình về tâm lý, tính cách) nhưng họ là người có tài, cương trực, thẳng thắn, công tâm vì dân vì nước thì vẫn phải dùng mà đã dùng thì phải tôn trọng và tin cậy họ”⁽⁵⁾.

Ở đời, “nhân vô thập toàn”, con người không có ai là thần thánh cả. Ai cũng có cái hay và cái dở, cái tốt và cái xấu. Phải làm cho cái hay, cái tốt nảy nở như hoa mùa xuân, còn cái xấu, cái dở thì mất dần đi. Muốn vậy phải có tấm lòng bao dung rộng mở thì mới không bỏ sót người tài. Với hiền tài, thực đức, thực tài thì lại càng cao quý, phải biết trân trọng và phát huy tài năng của họ. Những chỉ dẫn như thế ở Hồ Chí Minh cho thấy điều gì? *Người đã đem tinh thần mình triết vào thực tiễn dùng người*, giáo dục - đào tạo và huấn luyện cán bộ với một tầm nhìn chiến lược: vì lợi ích mười năm phải trồng cây, vì lợi ích trăm năm thì phải trồng người. Muốn xây dựng chủ nghĩa xã hội trước hết phải có con người xã hội chủ nghĩa. Từ đó, cần phải hiểu đúng quan niệm của Người khi Người nhấn mạnh *đức là gốc*. Hồ Chí Minh, đặt quan hệ Đức - Tài và Tài -

Đức trong một thể thống nhất hữu cơ không tách rời. *Càng coi đức là gốc thì càng phải coi trọng tài*. Nó là cơ sở, nền tảng cho đức một cách thực chất, là *đạo đức hành động trong đời sống* chứ không phải đơn thuần tu tâm dưỡng tính cho mình mà xa lánh cuộc sống, không giúp ích cho đời. Trên thực tế, nhất là trong việc dùng người, Hồ Chí Minh đặc biệt coi trọng và quý trọng tài năng, đánh giá *đúng* và sử dụng *khéo những tài năng thực sự, phát hiện những mầm mống của tài năng để nuôi dưỡng nó phát triển*. Trong quan niệm của Người về đức luôn luôn có bộ đỡ của tài năng. Muốn có nhân và thành nhân phải có đảm bảo bởi Trí - Dũng - Liêm, có Trung, có Trí, có Nghĩa. Muốn đủ bốn đức: cần, kiệm, liêm, chính để chí công vô tư, con người phải thực sự tỏ rõ hiểu biết, năng lực, hành động và có bản lĩnh. Có đức mà không có tài cũng vô dụng, làm việc gì cũng khó, thậm chí làm hỏng việc. Rõ ràng, tài ở ngay trong đức, đức chỉ trở thành hiện thực, thành sức mạnh đạo đức được đo lường, được chứng tỏ bởi tài. Đức không chỉ là chính trị mà còn là khoa học và văn hóa. Tài không đồng nghĩa, đồng nhất với bằng cấp, danh vị, danh hiệu mà phải là sự xác thực bằng kết quả việc làm, thành công, hiệu quả. Chỉ một nguyên tắc và phương châm “nói đi đôi với làm”, “nói ít làm nhiều”, “đã nói thì phải làm”, phải nghĩ cho kỹ “có làm được thì hãy nói” mà Người nêu ra đã cho thấy đó là sự hội tụ Đức - Tài làm một của một nhân cách. Hiểu biết hời hợt, siêu hình đã xem xét Tài - Đức tách rời nhau. Siêu hình đi liền với giáo điều lại dễ tuyệt đối hóa cái này để xem nhẹ và phủ nhận cái kia. Khuynh hướng “chính trị hóa” một cách cực đoan, tả khuynh

⁽⁴⁾ Hồ Chí Minh (2011). *Toàn tập* (tập 5, trang 296-297). Hà Nội: Nhà xuất bản Chính trị quốc gia Sự thật.

⁽⁵⁾ Hồ Chí Minh (2011). *Toàn tập* (tập 5, trang 319-320). Hà Nội: Nhà xuất bản Chính trị quốc gia Sự thật.

thường đồng nhất Đức - Tài vào chính trị, nhất là thường xem nhẹ tài năng, định kiến, hẹp hòi, đổ kỵ và dị ứng với những tài năng. Rõ ràng, không quan niệm đúng Tài - Đức trong quan hệ biện chứng của nó sẽ gây tác hại trong chính sách đối với con người, trong quan hệ giữa lãnh đạo của Đảng với trí thức, trong đánh giá cống hiến của trí thức.

Một trong những điểm nghẽn của phát triển là chất lượng thấp của nguồn nhân lực và không có đột phá để tạo ra nguồn nhân lực chất lượng cao bằng chính sách trọng dụng nhân tài, trọng đãi hiền tài. Chưa kể rất nhiều lệch lạc, sai trái mà chúng ta mắc phải trong công tác tổ chức, cán bộ, trong đánh giá, bố trí, sử dụng cán bộ, trong chính sách cán bộ từ bấy lâu nay. Thực trạng suy thoái trong Đảng, thực trạng suy thoái hư hỏng đạo đức và sự lan tràn lãng phí, quan liêu, tham nhũng trong xã hội, ngấm sâu vào trong Đảng, Nhà nước và hệ thống chính trị như hiện nay mà chúng ta đang quyết tâm xử lý, dù đau đớn... đã cho thấy hậu quả của những sai sót trong quan niệm Đức - Tài, trong quan hệ Tài - Đức dẫn tới những sai lầm trong việc dùng người. Có một nghịch lý: đất nước muốn phát triển nhanh và bền vững thì phải có rất nhiều nhân tài với thực tài, thực đức để giúp sức cho công cuộc đổi mới, chấn hưng dân tộc nhưng rất nhiều người Tài - Đức lại chưa được bố trí vào bộ máy để họ bộc lộ và phát huy, lại cũng không ít những người không xứng đáng nhưng đang nắm giữ các cương vị, các vị trí việc làm mà *lẽ ra là của những người thực đức, thực tài vì nước vì dân*. Tháo gỡ mâu thuẫn, nghịch lý này thì sẽ tìm ra đột phá.

Xưa nay các bậc hiền minh đều đánh giá

cao vai trò, tầm ảnh hưởng của nhân tài đối với sự phát triển của quốc gia, dân tộc. Thân Nhân Trung có câu danh ngôn nổi tiếng “Hiền tài là nguyên khí quốc gia. Nguyên khí mạnh thì thế nước lên cao, quốc gia hưng thịnh, nguyên khí yếu thì thế nước đi xuống, quốc gia suy vong”. Lê Quý Đôn, nhà bác học từ thế kỷ XVIII đã xác định và cảnh báo “Phi trí bất hưng”, để cho “sĩ phu ngoảnh mặt” thì triều chính suy vong, không tránh khỏi đổ vỡ.

Thực tế từ bao thăng trầm lịch sử đã cho thấy, quyền lực dễ làm hư hỏng con người nếu vắng bóng sự kiểm soát; quyền lực nếu lại trao vào tay những kẻ bất tài nhưng đầy tham vọng và dục vọng đen tối, bất minh, *quen thói đạo đức giả* luôn xưng tụng vì dân vì nước nhưng thực tế lại làm hại nước hại dân được che đậy tinh vi, được toan tính thâm độc... thì kết cục sẽ là một thảm họa.

Những điều trình bày trên đây, từ ánh sáng tư tưởng - đạo đức - phong cách Hồ Chí Minh, cốt để nhấn mạnh sự cần thiết, cấp bách phải xác lập đúng quan hệ biện chứng Tài - Đức để làm cơ sở nhận thức khoa học cho những điều chỉnh, cải cách, *đổi mới có tính cách mạng* trong chính sách dùng người hiện nay theo quan điểm phát triển, vì lợi ích tối cao của Tổ quốc và dân tộc, vì hạnh phúc của nhân dân.

2. Luận chứng về Tài và Đức, về quan hệ biện chứng Tài - Đức

Sinh thời, Mác đã từng nói đến “những sức mạnh thuộc bản chất của con người”, đó là nhân tính, ý thức chi phối bản năng, chế ngự bản năng. Phẩm chất nhân tính của con người là phẩm chất xã hội, mang đặc tính xã hội - lịch sử do con người bằng hoạt động sáng tạo, trước hết là lao động tạo ra.

Sáng tạo ra lịch sử của chính mình, đó là bằng chứng hiển nhiên của *năng lực người*, chỉ riêng có ở con người. Con vật, động vật không có hoạt động đó, nó chỉ có bản năng sinh tồn của loài vật.

Vượt lên tồn tại vật với thú tính là đặc trưng, con người mang tồn tại người thông qua hoạt động và các mối quan hệ. Bản chất ấy của năng lực người là văn hóa, là sáng tạo văn hóa. Có thể nói, con người sáng tạo ra lịch sử là dựa trên năng lực người của nó và *tài (tài năng) là trình độ phát triển cao của năng lực người*. Đạo đức là sản phẩm của xã hội và trong điều kiện xã hội đã hình thành, phân chia thành giai cấp thì đạo đức mang tính chất giai cấp.

Ngoài tính chất giai cấp ấy, đạo đức của con người còn có tính nhân loại. Đó là tính phổ quát. Đến chủ nghĩa cộng sản văn minh, khi không còn giai cấp chi phối nữa, con người hoàn thiện mình bởi sự phát triển nhân tính đầy đủ nhất, đạt đến *tự do* và “sự phát triển tự do của mỗi người là điều kiện cho sự phát triển tự do của tất cả mọi người”. Các nhà kinh điển Mác xít đã luận chứng và dự báo như vậy, coi đó là *mục đích tự thân* của lịch sử. Sự chiến thắng của chủ nghĩa cộng sản như một chủ nghĩa nhân đạo đích thực đánh dấu bước nhảy vọt của năng lực cũng như đạo đức con người, “từ vương quốc của tất yếu tới vương quốc của tự do”.

Tiếp cận từ quan điểm triết học của Mác và các nhà kinh điển của Chủ nghĩa Mác có thể thấy, với con người và loài người thì năng lực chẳng những tạo ra những biến đổi của thực tại mà còn thúc đẩy và hoàn thiện đạo đức cũng như sự phát triển của năng lực sáng

tạo, sản sinh ra năng lực mới và làm cho năng lực vốn có trở nên đầy đủ, phong phú, sâu sắc hơn.

Năng lực là cái phát lộ đầu tiên đối với con người trong toàn bộ hoạt động và sự trưởng thành của nó. Nếu con vật chỉ có sự tồn tại sinh vật thì ở con người đó là tồn tại người, tồn tại xã hội được đặc trưng bởi “*hoạt động sống*” và đó là *hoạt động sáng tạo*. Xã hội càng phát triển, từ dã man tới văn minh, càng cần đến rất nhiều năng lực người. Năng lực mãi mãi cần đến cho sự phát triển, nó biểu hiện và khẳng định như một phạm trù vĩnh viễn. Nó vừa là *điều kiện*, vừa là *động lực* lại cũng là *sản phẩm* của phát triển.

Đạo đức như đã nói, mang tính lịch sử, biến đổi theo lịch sử, do năng lực thúc đẩy. Tầm quan trọng vô cùng to lớn của đạo đức là ở chỗ, nó làm tăng sức mạnh của nhân tính, nó hướng năng lực vào mục đích nhân tính, cái tốt, cái thiện làm cho năng lực bộc lộ, phát huy vì cái đúng, cái tốt và cái đẹp. Năng lực (Tài) gắn liền làm một với Đạo đức (Đức) cùng có mặt trong mọi hoạt động sáng tạo của con người dẫn tới sự sáng tạo văn hóa theo hệ giá trị Chân - Thiện - Mỹ. Trong hệ giá trị phổ quát này của văn hóa có đủ tài và đức, năng lực và phẩm giá, đức hạnh của con người và loài người trong hình thái lý tưởng nhất. Đó là tiến trình phát triển lâu dài của lịch sử thế giới để đạt tới sự hoàn thiện.

Có một tư tưởng lớn của Mác cần phải suy ngẫm sâu sắc để hiểu đúng thực chất điều mà ông nêu ra. Đó là, “giới tự nhiên là thân thể vô cơ của con người”. Con người là một bộ phận của tự nhiên nhưng đã sáng tạo ra “một tự nhiên thứ hai”, đó là lịch sử. Lịch sử chẳng

qua là lịch sử hoạt động của những con người hiện thực. Ông còn nhấn mạnh, con người sáng tạo ra tự nhiên thứ hai như một tác phẩm nghệ thuật của mình. Con người sáng tạo ra lịch sử “*theo quy luật của cái đẹp*”. Nó có liên hệ với sự tương tác giữa con người với hoàn cảnh. Hoàn cảnh sáng tạo ra con người trong chừng mực mà con người sáng tạo (cải biến) lại hoàn cảnh. Nếu con người là sản phẩm của hoàn cảnh thì vấn đề đặt ra là, phải làm cho hoàn cảnh ngày càng có *nhiều tính người hơn*. Sự phát triển và hoàn thiện nhân tính đòi hỏi phải không ngừng *nhân đạo hóa hoàn cảnh, nhân văn hóa xã hội*. Phải vượt qua và xóa bỏ tình trạng *tha hóa*, tình trạng con người đánh mất và tự đánh mất bản chất vốn có của mình, biến thành một bản chất đối lập, xa lạ với nhân tính. Tha hóa bản chất con người không chỉ là tha hóa đạo đức với sự ngự trị của cái xấu, cái ác, sự nghèo nàn và mất dần nhân tính mà còn là sự tha hóa của năng lực người, *năng lực tự do và năng lực sáng tạo*⁽⁶⁾.

Để phát triển nhân tính trong mỗi cá thể người và cộng đồng người (nhân loại / bản chất tộc loại của nó) phải nỗ lực, bền bỉ hết sức lâu dài để năng lực tự do, năng lực sáng tạo của chủ thể người không ngừng được bộc lộ, được phát huy trong thực tiễn. Không có những năng lực này không định hình được nhân tính.

Bởi thế, làm nên năng lực người, có sức mạnh của hiểu biết, trí tuệ và còn có cả sự tham gia của nhân tố nghệ thuật, cái đẹp,

thẩm mỹ - sáng tạo và cảm thụ. Trong quan hệ Chân - Thiện - Mỹ như những lớp giá trị thì sự liên kết, cộng hưởng giữa Chân và Mỹ dẫn tới sự hiện hình của Thiện được quy thành phạm trù trung tâm của đạo đức và đạo đức học. Chân và Mỹ là những thước đo phát triển năng lực người để sự phát triển ấy thuộc về nhân tính sẽ dẫn đến đạo đức, đến tính thiện và cái thiện. Cũng như thế, nhân đạo hóa hoàn cảnh, nhân văn hóa xã hội còn tất yếu phải *thẩm mỹ hóa đời sống*. Đời sống tinh thần, thế giới tinh thần, nội tâm của con người, tự nó không thể thiếu vắng cái mỹ, cái đẹp, nuôi dưỡng con người bởi những cái cao quý, cao thượng.

“Cái đẹp chính là cuộc sống” - Séc-nư-sép-xki, nhà tư tưởng Nga từ thế kỷ XIX đã nói như vậy.

Cũng như Buy-Phông, nhà văn Pháp nổi tiếng từng nói, “phong cách chính là người”. Sự trưởng thành nhân cách tất yếu phải đi qua giáo dục, hoạt động, chuyển hóa thành “tự giáo dục”, “tự hoạt động” (sống - sáng tạo) để “tự biểu hiện”, “tự khẳng định” chính mình.

Đó là điều sâu xa trong tư duy, trí tuệ của Mác khi ông nêu luận đề “con người sáng tạo ra một tự nhiên thứ hai *như tác phẩm nghệ thuật của mình*”. Và, con người sáng tạo ra lịch sử, ra chính mình “*theo quy luật của cái đẹp*”.

Vậy năng lực người và vấn đề tài năng của con người cần phải nhận thức như thế nào, nó có vai trò ra sao đối với đạo đức và đạo đức tác động trở lại năng lực như thế nào? Về mặt thực tiễn, làm gì để kết hợp tài - đức, *phát triển tài để hoàn thiện đức* trong một chỉnh thể con người, hài hòa giữa phát triển cá nhân

⁽⁶⁾ Xem các tác phẩm của Các Mác:

- Bản thảo kinh tế - triết học, 1844.

- Luận cương về Fioiơbác, 1845.

- Hệ tư tưởng Đức, 1846.

- Tuyên ngôn của Đảng Cộng sản (Mác và Ăngghen), 1848...

với phát triển xã hội.

Nói đến năng lực, là nói đến những khả năng mà con người có được và đem khả năng đó vào hoạt động, đáp ứng được yêu cầu phát triển của bản thân, đồng thời đóng góp vào sự phát triển của xã hội. Những khả năng để xác định năng lực bao gồm cả khả năng *thực tế* (đã bộc lộ ra) và khả năng *triển vọng* (còn đang là mầm mống hình thành, nó là tiềm năng, trữ năng của con người). Khả năng không tự có, tự nhiên đến, dù cũng có yếu tố của những năng khiếu, thiên tư, thiên bẩm riêng ở từng cá thể. Làm nên những khả năng, nhất là những tài năng lớn, chủ yếu là qua hoạt động, học tập, rèn luyện, tích lũy trong môi trường giáo dục và lao động. Ngay ở các thiên tài, năng khiếu chỉ có 1%, còn 99% là kết quả của lao động, của những trải nghiệm mồ hôi và nước mắt (Ê-đi-xơn).

Sự phát triển năng lực ở con người theo quy luật không đều, phụ thuộc vào cả yếu tố sinh học và xã hội. Nỗ lực chủ quan có vai trò đặc biệt quan trọng đối với sự phát triển năng lực, khả năng, tài năng của mỗi người.

Mọi cá thể bình thường, không bị những khuyết tật bẩm sinh, không rơi vào tình trạng thiếu năng đều có thể phát triển trong môi trường *hoạt động* và *lao động*.

Có những năng lực, khả năng *phổ biến* mà cũng có những năng lực, khả năng *đặc thù*, nhất là những đặc thù vượt trội (gắn với năng khiếu). Chọn nghề, đào tạo nghề để con người làm nghề, hành nghề đúng với sở trường, khả năng của mình, vì thế rất quan trọng. Dùng người phải làm sao cho con người bộc lộ, phát huy tốt nhất năng lực, khả năng của mình. Nói tới năng lực là nói tới sự phát triển trí tuệ.

Pascan đã từng đánh giá, con người chỉ như một cây sậy trong tự nhiên, nhưng nó vượt lên tự nhiên, bởi nó là cây sậy có trí tuệ. Năng lực người phát triển theo các cấp độ, có thể hình dung ba cấp độ sau đây:

- Năng lực *thông thường, phổ biến*, có ở mọi người để thích ứng với tồn tại và làm một việc, công việc phù hợp.

- Năng lực phát triển nhanh, vượt trội về trí tuệ, thông minh và sáng tạo, đạt được thành công và hiệu quả cao hơn mọi người bình thường khác. Đó là *tài năng*. Người bộc lộ, biểu hiện được sự vượt trội tài năng là *người có tài*, là *nhân tài*. Người có tài, nhân tài có thể là tài năng trong một lĩnh vực mà cũng có người có tài trên nhiều lĩnh vực, là *đa tài*. Tài cũng có những mức độ (cao, thấp, rộng, hẹp) khác nhau. *Thước đo tài năng là ở giá trị và hiệu quả của sự sáng tạo* mà chủ thể tài năng đó thực hiện.

- Năng lực đặc biệt, xuất sắc, xuất chúng, vượt xa, vượt rất xa mọi năng lực thông thường, kể cả tài năng, là đỉnh cao của tài năng, đó là *thiên tài*. Đó là sự hội tụ, sự kết tinh những tinh hoa trí tuệ và phẩm giá được biểu hiện ở bậc vĩ nhân, các bậc thiên tài, với những cống hiến lớn, để lại dấu ấn trong lịch sử với những phát minh *vạch thời đại*. Lịch sử khoa học, văn hóa nghệ thuật, chính trị - xã hội của nhân loại ở mọi thời đại đã hiện diện những thiên tài kiệt xuất như thế.

Ăngghen gọi đó là “những con người khổng lồ” và đã có “những thời đại khổng lồ” sản sinh ra những con người khổng lồ đó. Những Niu-tơn và Đác-uyn, những Galoa và Lô-mônô-xốp, những Mô-da và Sô-panh, những Leptôn-xtôi và Pi-cát-xô, những Puskin, Gớt,

Vích-to Hu-go, Tagore và biết bao con người trác việt khác là những thiên tài như vậy. Mác - Ăngghen - Lênin - Hồ Chí Minh là những vĩ nhân thiên tài như vậy. Lịch sử văn hóa Việt Nam qua mọi thời đại vẫn ngời sáng mãi tên tuổi và sự nghiệp của các hiền tài, danh nhân ở bậc thiên tài: Trần Quốc Tuấn, Chu Văn An, Nguyễn Trãi, Nguyễn Du, Lê Quý Đôn, Nguyễn Bình Khiêm... cho đến thời đại Hồ Chí Minh với Võ Nguyên Giáp - Dũng tướng và Nhân tướng - Đại tướng của lòng dân...

Có điều là, năng lực thông thường (phổ thông) thì *rất nhiều*, tài năng *ít hơn*, tài năng lớn, vượt trội, *ít hơn nữa* và thiên tài thì *càng ít, càng hiếm*. *Mỗi thời đại lịch sử cũng chỉ có thể sản sinh ra một vài thiên tài mà thôi*.

Trên thực tế, nhận thức và giải quyết quan hệ Tài - Đức, *chúng ta chủ yếu lưu ý vào trường hợp những người có tài, những nhân tài (một hay nhiều lĩnh vực)*, gọi là có tài năng đặc biệt vượt lên những năng lực, khả năng phổ biến. Đó là quan điểm thực tiễn liên quan mật thiết tới phát triển kinh tế, văn hóa, chính trị, xã hội. Để thiên tài xuất hiện phải có sự chuẩn bị, tích lũy của cả một thời đại lịch sử.

Đảng ta chủ trương “nâng cao dân trí, đào tạo nhân lực, bồi dưỡng nhân tài” trong giáo dục đào tạo con người để hướng đích vào *phát triển và hoàn thiện nhân cách*. Muốn vậy phải xác định “giáo dục - đào tạo và phát triển khoa học - công nghệ là quốc sách hàng đầu”, mọi chính sách và giải pháp phải hướng vào phát triển con người và văn hóa, thấm nhuần tư tưởng Hồ Chí Minh trong Di chúc “*đầu tiên là công việc với con người*”⁽⁷⁾. Cũng cần

phải hiểu *đặc điểm* tâm lý, tính cách người có tài, đặc điểm lao động sáng tạo của họ để có ứng xử văn hóa với họ, quý trọng tài năng và cống hiến của họ, phân biệt rõ *chân tài* với những gì ngụy tạo, những giả giá trị.

Người có tài, trong ý nghĩa đích thực của nó, phải là người có đức, tài càng lớn thì đức phải càng lớn. Tài năng thể hiện ở *cái trí, cái tâm, gắn chặt với cái tâm, cái tình*, thống nhất phù hợp với nhau.

Cho nên những người chân tài, thực tài bao giờ cũng lao động và sống hết mình, tận tụy, trung thực, khiêm tốn, không vụ lợi, vị kỷ, hướng tới cộng đồng, phục vụ xã hội. Họ là người trọng danh dự, lương tâm, trọng lẽ phải, đạo lý, là những nhân cách lớn. *Tài là tiềm lực của Đức và Đức đảm bảo cho Tài không rơi vào lệch lạc, suy thoái, tha hóa. Tài làm cho Đức trở thành hiện thực trong hành động và Đức giúp cho Tài được toàn dụng vào mục đích, động cơ trong sáng vì Tổ quốc, Dân tộc và Nhân dân*. Đó là những định hướng mục tiêu, giá trị của người trí thức chân chính, ưu thời mẫn thế, nặng lòng ái quốc ái dân.

Nhân dân và cuộc đời đòi hỏi những nhân tài, hiền tài phải luôn tỏ rõ *Tài - Đức vẹn toàn* là vì vậy.

3. Một số khuyến nghị thực tiễn

Từ mối quan hệ Tài - Đức xét trên bình diện lịch sử và lô gích trong sự phát triển của cá nhân và xã hội, cần rút ra những điều thu hoạch mà cũng là những khuyến nghị thực tiễn trong giáo dục, trong cách dùng người và chính sách đối với con người, đối với việc trọng dụng tài năng.

Thứ nhất, phải đổi mới nhận thức, tạo nhận thức mới trong xã hội, làm thay đổi nhận thức

⁽⁷⁾ Hồ Chí Minh (2011). *Toàn tập* (tập 15, trang 616). Hà Nội: Nhà xuất bản Chính trị quốc gia Sự thật.

trong lãnh đạo, quản lý để coi trọng tài năng con người, không lãng phí nguồn vốn quý giá vào bậc nhất của xã hội, của phát triển là tài năng, là người có tài. Trong quản lý xã hội, quản trị nguồn nhân lực, khi chú trọng sử dụng vốn người, toàn dụng lao động thì vấn đề cấp thiết đặt ra là toàn dụng nhân tài, không phí phạm một tài năng nào dù nhỏ nhất vào mục đích phát triển như Hồ Chí Minh đã từng chỉ ra. Tài trí, tài năng, tài đức là tài sản vật chất và tinh thần quý giá, quý hiếm. Do đó, sử dụng phải đi liền với bồi dưỡng, làm cho tài năng phát triển, hữu ích, hữu dụng chứ không để mai một, cạn kiệt. Giải quyết mối quan hệ Tài - Đức, mục tiêu - phương tiện, con người và phát triển phải luôn luôn xuất phát từ vị thế con người mục tiêu, con người động lực để huy động tài năng như một phương tiện, công cụ phát triển phải phục vụ cho mục tiêu phát triển con người, vì con người. Đánh giá tài năng trên quan điểm nhân văn xã hội. Tôn trọng, quý trọng tài năng như một giá trị quý báu nhất - một giá trị văn hóa để ứng xử văn hóa với tài năng.

Thứ hai, Đức là gốc nhưng Tài là chất dinh dưỡng làm cho gốc đạo đức có sức sống, có sinh khí. Đức để hành động đòi hỏi Tài phải sáng tạo. Tài - Đức phải được chứng thực bởi tác dụng, hiệu quả xã hội, thúc đẩy phát triển, trước hết là phát triển con người, cuối cùng cũng là phát triển con người, phát triển nhân tính. Chính sách nhân tài, hiền tài phải ở tầm chính sách quốc gia. Phát hiện đúng, nuôi dưỡng tốt, sử dụng có hiệu quả nhất tài năng con người là đầu tư quan trọng nhất cho phát triển bền vững.

Thứ ba, phải dân chủ hóa, khoa học hóa và

văn hóa hóa trong vấn đề đào tạo, bồi dưỡng, bố trí cán bộ, trong ứng xử, đối đãi với những người có Tài - Đức. Đây là yêu cầu đặt ra trong lãnh đạo của Đảng đối với nhân tài trí thức, quan hệ giữa lãnh đạo trong chính giới đối với nhân tài trí thức, trên tinh thần tôn trọng tự do dân chủ, tôn trọng cá tính sáng tạo của các tài năng. Văn hóa khoan dung và khoan dung văn hóa của Hồ Chí Minh cần được vận dụng để tạo động lực phát triển tài năng.

Thứ tư, giáo dục và thực hành đạo đức, văn hóa đạo đức, tạo môi trường xã hội cho tài năng phát triển từ xã hội phải chuyển hóa vào trong mỗi cá thể tài năng.

Thứ năm, có chiến lược nuôi dưỡng, phát triển tài năng trẻ trong công cuộc đổi mới, chấn hưng dân tộc.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Hồ Chí Minh (2011). *Toàn tập* (tập 2). Hà Nội: Nhà xuất bản Chính trị quốc gia Sự thật.
2. Hồ Chí Minh (2011). *Toàn tập* (tập 4). Hà Nội: Nhà xuất bản Chính trị quốc gia Sự thật.
3. Hồ Chí Minh (2011). *Toàn tập* (tập 5). Hà Nội: Nhà xuất bản Chính trị quốc gia Sự thật.
4. Hồ Chí Minh (2011). *Toàn tập* (tập 15). Hà Nội: Nhà xuất bản Chính trị quốc gia Sự thật.
5. Các tác phẩm của Các Mác:
 - *Bản thảo kinh tế - triết học*, 1844.
 - *Luận cương về Phoiơbắc*, 1845.
 - *Hệ tư tưởng Đức*, 1846.
 - *Tuyên ngôn của Đảng Cộng sản (Mác và Ăngghen)*, 1848...